

Số: /TTr - BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Dự thảo

TỜ TRÌNH
Đề nghị xây dựng Luật Di sản văn hóa (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kính trình Chính phủ Đề nghị xây dựng Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT DI SẢN VĂN HÓA (SỬA ĐỔI)

1. Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng

Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa luôn được Đảng ta quan tâm, chú trọng, tạo điều kiện thuận lợi để giữ gìn được những bản sắc văn hóa của dân tộc, lan tỏa các giá trị tới bạn bè quốc tế, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội... Tầm quan trọng, vai trò, vị trí của văn hóa được thể hiện qua các Nghị quyết của các kỳ Đại hội như:

- Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 tại Hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về "*Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*". Nghị quyết đã bổ sung, làm sâu sắc, phong phú hơn kho tàng lý luận văn hóa, đường lối văn hóa của Đảng góp phần thúc đẩy văn hóa Việt Nam phát triển và hội nhập trong đó nhiệm vụ "*Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa*" đã xác định "*Di sản văn hoá là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hoá. Hết sức coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hoá truyền thống (bác học và dân gian), văn hoá cách mạng, bao gồm cả văn hoá vật thể và phi vật thể*".

- Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về "*Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*" đã chỉ rõ: "*Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội*". Nghị quyết xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm trong việc chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, như:

mở rộng hợp tác đa dạng các hình thức hoạt động đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực, tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm văn hóa dân tộc.

- Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về *"Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước"*.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nêu rõ định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030: *"Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hoá thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hoá"*. Nghị quyết đã xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm và đột phá chiến lược, đó là: *"Phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam; khơi dậy mạnh mẽ khát vọng phát triển của dân tộc, tinh thần yêu nước, tự hào, ý chí tự cường và lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết, đồng thuận xã hội; xây dựng môi trường và đời sống văn hóa phong phú, đa dạng, văn minh, lành mạnh, hội nhập quốc tế, đề cao ý thức, trách nhiệm, đạo đức xã hội, sống và làm việc theo pháp luật"*.

Đặc biệt, tại Hội nghị văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (ngày 24/11/2021), Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã xác định rõ vị trí, vai trò của văn hóa trong sự phát triển kinh tế - xã hội và là cơ hội để các cấp, các ngành xây dựng chiến lược phát triển văn hóa trong thời đại mới, với những nội dung chính: *"Quan tâm hơn nữa đến việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các vùng, miền, của đồng bào các dân tộc, kết hợp với tiếp thu tinh hoa văn hóa của thời đại. Phát triển "sức mạnh mềm" của văn hóa Việt Nam, góp phần nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia trong thời gian tới... tiếp tục nâng cao nhận thức và năng lực lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa để đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam trong thời kỳ phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước nhằm bảo đảm sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong xây dựng, phát triển văn hóa từ trung ương đến cơ sở. Cấp ủy đảng và chính quyền các cấp phải nhận thức sâu sắc và quán triệt đầy đủ các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng về văn hóa và trên cơ sở đó xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện, huy động tối đa các nguồn lực để phát triển văn hóa. Khắc phục tư tưởng "duy kinh tế," chỉ tập trung cho kinh tế mà ít quan tâm đến văn hóa. Phải quán triệt nghiêm túc quan điểm "văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội..."*.

Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ đối với công tác văn hóa và xây dựng pháp luật:

- Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

- Quyết định số 210/QĐ-TTg ngày 08/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Văn hóa đối ngoại của Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 2215/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị khóa XII về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

- Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội XV.

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

- Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

- Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030.

Như vậy, việc thể chế hóa kịp thời các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng về văn hóa nói chung và di sản văn hóa nói riêng nêu trên thành pháp luật là cần thiết để giải quyết được việc hợp hiến, hợp pháp các quy định pháp luật trên cơ sở kế thừa, khắc phục, xây dựng các chính sách mới phù hợp; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, tăng cường về phân cấp, phát huy nguồn lực xã hội và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thời kỳ hội nhập, phát triển.

2. Cơ sở thực tiễn

Luật Di sản văn hóa được Quốc hội khóa X thông qua tại kỳ họp thứ 9, ngày 29/6/2001, đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa của Việt Nam. Luật được sửa đổi, bổ sung một số điều tại kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XII (ngày 18/6/2009), trong đó một số hạn chế, bất cập trong việc thực thi Luật Di sản văn hóa đã cơ bản được giải quyết, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi để đẩy mạnh sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, bảo đảm giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Sau 20 năm Luật Di sản văn hóa được ban hành và hơn 10 năm được sửa đổi, bổ sung, sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa đã và đang được Đảng, Nhà nước ta hết sức quan tâm, ngày càng được sự ủng hộ của đông đảo của nhân dân ở khắp mọi miền đất nước. Nhờ đó, hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa ngày càng hiệu quả, nâng cao đời sống tinh thần và vật chất cho cộng đồng nơi có di sản hoặc nắm giữ/thực hành di sản, góp phần thu hút du lịch,...tạo thêm thế và lực cho sự phát triển kinh tế-xã hội của từng đơn vị, địa

phương nói riêng và đất nước nói chung, với những thành tựu đáng ghi nhận: Trên cả nước, đã xếp hạng trên 10.000 di tích cấp tỉnh, thành phố, 3.591 di tích quốc gia và 123 di tích quốc gia đặc biệt, có trên 40.000 di tích đã được kiểm kê theo quy định của Luật Di sản văn hóa, khoảng 70.000 di sản văn hóa phi vật thể trên cả nước được kiểm kê, 416 di sản được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Các di sản văn hóa thế giới của Việt Nam được UNESCO công nhận/ghi danh, bao gồm: 08 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới; 14 di sản văn hóa phi vật thể (trong đó 13 di sản văn hóa phi vật thể trong Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và 01 di sản văn hóa phi vật thể trong Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp); 07 di sản tư liệu (03 di sản tư liệu thế giới, 04 di sản tư liệu khu vực Châu Á - Thái Bình Dương). Hệ thống bảo tàng đã phát triển từ một vài bảo tàng được xây dựng từ thời Pháp thuộc thành một hệ thống gồm 187 bảo tàng (với 128 bảo tàng công lập và 59 bảo tàng ngoài công lập). Nhiều sưu tập hiện vật và di vật, cổ vật quý giá mang đặc trưng văn hóa của địa phương, vùng miền, quốc gia... đang được bảo quản, trưng bày và phát huy giá trị tại các bảo tàng với tổng số trên 4 triệu hiện vật. 238 hiện vật, nhóm hiện vật đã được công nhận là bảo vật quốc gia qua 10 đợt xét duyệt.

Tuy nhiên, trước những yêu cầu và đòi hỏi cấp bách từ thực tế đang diễn ra, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa cũng dần bộc lộ một số hạn chế, bất cập cả về nội dung và hình thức trong từng lĩnh vực cụ thể. Do đó, việc tiếp tục sửa đổi, bổ sung Luật Di sản văn hóa cùng các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành là hết sức cần thiết để bắt kịp sự vận động và biến chuyển của xã hội, điều chỉnh, cụ thể hóa được những vấn đề còn vướng mắc, tạo hành lang pháp lý thuận lợi nhất cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc.

2.1. Từ bất cập của Luật Di sản văn hóa trong thực tiễn thi hành

2.1.1. Một số quy định của Luật còn mang tính nguyên tắc chung chung cần quy định rõ hơn

Là Luật về lĩnh vực chuyên ngành nhưng nhiều điều khoản, quy định của luật còn mang tính nguyên tắc chung chung hoặc chưa có các điều khoản giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quy định và hướng dẫn cụ thể, chưa thuận lợi cho việc triển khai trong thực tiễn như:

- Quy định chi tiết về những hành vi bị cấm; về trình tự, thủ tục hủy bỏ xếp hạng, ghi danh di sản, hủy bỏ công nhận bảo vật quốc gia; thủ tục điều chỉnh khoanh vùng bảo vệ di tích; quy trình tiếp nhận giao nộp, phân chia, quản lý hiện vật, di vật, cổ vật sau khi khai quật khảo cổ; quy trình tiếp nhận, loại bỏ hiện vật vào di tích; quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật trong bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích và đối tượng kiểm kê di tích; quy trình thẩm quyền cấp Bằng chứng nhận bảo vật quốc gia, chế độ đặc biệt đối với việc bảo vệ và bảo quản bảo vật quốc gia; Quy định trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương (Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp).

- Vấn đề quản lý các di sản, mô hình quản lý di tích của các địa phương hiện nay rất đa dạng, chưa thống nhất nên khó quản lý, khó xác định trách nhiệm khi có sai phạm trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Do di

sản nước ta đa dạng về loại hình, chủ sở hữu, trong khi các tổ chức được giao quản lý, sử dụng di tích là đơn vị sự nghiệp công lập, không có chức năng quản lý nhà nước, nên bị hạn chế về nhiệm vụ thi hành pháp luật tại địa điểm bảo vệ di sản, chỉ có thể báo cáo và chuyển giao cho các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước để xử lý những trường hợp vi phạm trong lĩnh vực di sản văn hóa, dẫn tới sự chậm trễ, ảnh hưởng tới hoạt động bảo vệ di sản.

2.1.2. Một số quy định của Luật có tính khả thi chưa cao, hoặc không còn phù hợp với thực tiễn cần sửa đổi hoặc bãi bỏ

- Về các quy định có tính khả thi chưa cao cần nghiên cứu bãi bỏ (hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp): Quy định về quy hoạch khảo cổ; quy định đăng ký bảo vật quốc gia; quy định về cho phép, mua bán, trao đổi, tặng cho và kế thừa ở nước ngoài đối với di vật, cổ vật không thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (để tránh tình trạng "chảy máu" cổ vật và chống buôn bán trái phép di sản văn hóa theo Công ước 1970 của UNESCO).

- Về các quy định không còn phù hợp với thực tiễn cần sửa đổi, bổ sung:

Trong lĩnh vực di tích: Quy định về thăm dò khai quật khảo cổ và thẩm quyền hướng dẫn, thủ tục thăm dò, khai quật khảo cổ; quy định về khu vực bảo vệ II của di tích; đối tượng kiểm kê di tích; quy định trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo vệ đối tượng kiểm kê di tích và bổ sung vào quy định bảo quản, tu bổ, phục hồi đối tượng này; Quy định bổ sung đối tượng các dự án khác không thuộc dự án bảo vệ và phát huy giá trị của di tích, thực hiện trong và ngoài khu vực khoanh vùng bảo vệ của di tích; Quy định rõ thẩm quyền hướng dẫn trình tự, thủ tục thẩm định dự án cải tạo, xây dựng các công trình nằm ngoài các khu vực bảo vệ của di tích.

Trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể: Quy định rõ 7 loại hình di sản văn hóa phi vật thể; quy định cấm đối với hành vi vi phạm các tập tục và can thiệp vào di sản văn hóa của cộng đồng; quy định cụ thể về nguyên tắc hoạt động, quản lý, thực hành và bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng, xã hội trong bối cảnh bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể gắn với phát triển bền vững và hội nhập; quy định rõ về phân cấp ban hành và thực hiện Chương trình hành động quốc gia, Kế hoạch hành động, các báo cáo, đề án, dự án bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể đã được ghi danh vào các danh sách; quy định về vai trò, sự tham gia của của cộng đồng chủ thể trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; quy định rõ hơn về chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân nắm giữ di sản, tránh tình trạng cụ thể hóa Luật, khi xây dựng chính sách chỉ tập trung cho một nhóm đối tượng nghệ nhân có danh hiệu, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nên việc triển khai trong thực tiễn không khả thi, khó áp dụng.

Trong lĩnh vực quản lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia và bảo tàng: Quy định phân cấp trách nhiệm cho địa phương tiếp nhận và quản lý di vật, cổ vật thu được trong quá trình thăm dò, khai quật khảo cổ; quy định hướng dẫn về "chế độ đặc biệt" đối với việc bảo vệ và bảo quản bảo vật quốc gia; quy định rõ quyền sở hữu, quyền thừa kế và các quy định mua, bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; quy định về điều kiện đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ra nước ngoài có thời hạn để trưng bày, nghiên cứu, bảo quản (điều kiện bảo hiểm và thỏa thuận bằng văn bản từ phía tiếp nhận); quy định về điều kiện cấp giấy phép hoạt động bảo tàng

ngoài công lập; quy định về thẩm quyền xác nhận điều kiện thành lập bảo tàng cấp tỉnh.

2.1.3. Một số vấn đề phát sinh trong thực tiễn cần được bổ sung mới trong Luật

- Luật Di sản văn hóa hiện hành chưa quy định nội dung các hoạt động, cơ chế để thu hút các nguồn lực của xã hội, huy động được sự đóng góp, tham gia của tổ chức, cá nhân trong công tác bảo vệ, khai thác, sử dụng và phát huy giá trị di sản văn hóa... trong khi thực tiễn xã hội hiện đại, các địa phương tập trung khai thác, phát huy giá trị di sản trong phát triển kinh tế - xã hội nên thu hút doanh nghiệp có đóng góp cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Nhưng do không có cơ chế, được hưởng chính sách, ưu đãi thuế cho chi phí sản xuất, nên do lợi nhuận không cao, nhiều rủi ro khi đầu tư, khó thu hồi vốn cũng là trở ngại rất lớn trong công tác vận động, thu hút nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ. Trong khi, nguồn kinh phí hỗ trợ cho công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa còn rất thấp so với nhu cầu thực tế: đầu tư tu bổ di tích còn thấp nên mới chỉ thực hiện chống đỡ cục bộ chứ chưa đặt di tích ở trong tình trạng bền vững lâu dài để trở thành một sản phẩm hoàn chỉnh có sức hấp dẫn thu hút khách tham quan nên việc tạo nguồn thu tái đầu tư cho tu bổ, tôn tạo di tích còn bị hạn chế. Di sản tư liệu, di sản văn hóa phi vật thể sau khi được ghi danh chưa có chương trình, đề án, kế hoạch để bảo vệ và phát huy giá trị di sản. Hoạt động bảo tàng chưa được quan tâm, đầu tư kinh phí để xây dựng, cải tạo trụ sở, mua sắm trang bị thiết yếu để bảo vệ, bảo quản hiện vật... Vì vậy, cần bổ sung mới các quy định trong Luật Di sản văn hóa (sửa đổi): về phạm vi, quyền hạn, nội dung hoạt động xã hội hóa bảo vệ di sản, cơ chế và thẩm quyền hướng dẫn thực hiện; quy định về Quỹ bảo tồn di sản văn hóa; quy định về việc hỗ trợ cộng đồng địa phương tại địa bàn có di tích.

- Chưa có các quy định về chức năng nhiệm vụ giáo dục và ứng dụng công nghệ của bảo tàng; chuyển quyền sở hữu đối với bảo tàng ngoài công lập đưa di vật, cổ vật có nguồn gốc Việt Nam từ nước ngoài về nước; thẩm quyền thẩm định các dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp bảo tàng, các dự án trưng bày, chỉnh lý nội dung và hình thức trưng bày bảo tàng; đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở trong nước.

- Chưa quy định thẩm quyền, hướng dẫn các hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia như quy định về báo cáo định kỳ tình trạng di sản và tình hình bảo vệ, phát huy giá trị di sản sau khi được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, các Danh sách của UNESCO; nội dung, cơ chế thực hiện, triển khai, tổng hợp, xử lý thông tin các Báo cáo bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể theo cam kết với UNESCO...

- Chưa có quy định liên quan đến Di sản tư liệu. Di sản tư liệu là loại hình thuộc di sản văn hóa nhưng chưa được quy định bởi bất kỳ luật nào trong hệ thống pháp luật của Việt Nam. Nhiều quốc gia trên thế giới quy định Di sản tư liệu trong Luật Di sản văn hóa (ví dụ: Pháp, Tây Ban Nha, Nhật Bản, Hàn Quốc). Chương trình Ký ức Thế giới do UNESCO khởi xướng từ năm 1992 nhằm bảo tồn và phát

huy giá trị của di sản tư liệu, Việt Nam tham gia Chương trình này từ năm 2007, 15 năm là quốc gia thành viên tham gia Chương trình nhưng di sản tư liệu chưa có hành lang pháp lý để bảo vệ và phát huy giá trị. Đến nay, Việt Nam đã có 07 Di sản tư liệu được Chương trình Ký ức Thế giới của UNESCO ghi danh (03 Di sản tư liệu Thế giới, 04 Di sản tư liệu Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương). Trong thời gian tới, Di sản tư liệu của Việt Nam sẽ tiếp tục được UNESCO xem xét, ghi danh cấp khu vực và thế giới và ngày càng có xu hướng gia tăng. Di sản tư liệu của Việt Nam ở các địa phương, gia đình và dòng họ... đa dạng về loại hình, tài liệu, tư liệu rất tiềm năng, cũng có di sản tư liệu có nguy cơ bị mai một, biến mất... Vì vậy, quy định mới loại hình Di sản tư liệu trong Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) để điều chỉnh hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị là phù hợp và cần thiết, với các quy định: từ các khái niệm loại hình, thuật ngữ, tiêu chí nhận diện, các hoạt động kiểm kê, lập hồ sơ khoa học, quy trình, thủ tục, thẩm quyền quyết định ghi danh và hủy bỏ quyết định ghi danh, cho đến các biện pháp tiếp nhận quản lý, trách nhiệm hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu sau khi được ghi danh; thẩm quyền thẩm định các dự án, đề án bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di sản tư liệu; quy định về bản sao đối với di sản tư liệu.

2.2. Về bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật

Kể từ khi có Luật Di sản văn hóa năm 2001 và sau đó là Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009, sự chòng chéo giữa văn bản pháp luật về di sản văn hóa và văn bản pháp luật khác có liên quan xuất hiện từ năm 2014 trong cả lĩnh vực di tích, bảo tàng và di sản văn hóa phi vật thể. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, Quốc hội đã ban hành và sửa đổi, bổ sung nhiều đạo luật đã khắc phục được những chòng chéo, đồng thời tạo ra những thay đổi, phát sinh đến hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa như: Hiến pháp năm 2013, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019), Luật Đa dạng sinh học năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2018), Luật Lưu trữ năm 2011, Luật Đầu tư công năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2022), Luật Xây dựng năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, Bộ Luật Dân sự năm 2016, Luật Phí và Lệ phí năm 2017, Luật Quy hoạch năm 2017, Luật Lâm nghiệp năm 2017, Bộ Luật Hình sự năm 2018, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật Đầu tư năm 2020 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2022), Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022.

Do vậy, Luật Di sản văn hóa cần được sửa đổi, bổ sung để đảm bảo thống nhất và đồng bộ với các Bộ Luật, Luật trong hệ thống pháp luật quốc gia.

2.3. Yêu cầu bảo đảm phù hợp với những cam kết trong điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên

Trong lĩnh vực văn hóa, Việt Nam đã tham gia 04 Công ước quốc tế và 01 Chương trình, bao gồm: Công ước 1970 về các biện pháp ngăn cấm xuất nhập khẩu và chuyển giao trái phép, quyền sở hữu tài sản văn hóa, Công ước 1972 về Bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, Công ước về Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể 2003; Công ước 2005 về Bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa và Chương trình Ký ức thế giới. Cùng với việc phổ biến, hướng dẫn thực hiện các Công ước, Việt Nam đã từng bước thực hiện các cam kết đưa quan

điểm của Công ước vào hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quản lý di sản văn hóa.

Năm 2005, Việt Nam là một trong 30 quốc gia đầu tiên gia nhập Công ước của UNESCO về Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể. UNESCO đã ghi danh 14 di sản vào các Danh sách (bao gồm 13 di sản văn hóa phi vật thể trong Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và 01 di sản văn hóa phi vật thể trong Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp) phân bố ở 61/63 tỉnh, thành phố với nhiều chủ thể là đồng bào các dân tộc khác nhau. Hát Xoan Phú Thọ trở thành di sản đầu tiên được UNESCO đưa ra khỏi Danh sách Di sản văn hoá phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp và sau đó ghi danh vào Danh sách Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại.

Từ năm 1992, UNESCO khởi xướng Chương trình *Ký ức thế giới*, trong đó, chú trọng việc bảo tồn và phát huy giá trị những di sản tư liệu về các thành tựu của nhân loại, như chính trị, lịch sử, văn hóa..., Việt Nam chính thức tham gia là quốc gia thành viên của Chương trình năm 2007. Đến nay, Việt Nam đã có 07 di sản tư liệu được Chương trình Ký ức Thế giới của UNESCO ghi danh, gồm: 03 Di sản tư liệu thế giới và 04 Di sản tư liệu khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Di sản tư liệu được coi là một bộ phận của di sản văn hóa Việt Nam, tuy nhiên, đã 15 năm là quốc gia thành viên mà di sản tư liệu vẫn chưa tạo được hành lang pháp lý cho lĩnh vực này.

Đối với Công 1972 về Bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới và văn bản hướng dẫn thực hiện Công ước có những sửa đổi, bổ sung những quy định mới của UNESCO về hoạt động quản lý di sản và hướng dẫn các quốc gia nghiên cứu, thực hiện.

Vì vậy, Luật cần **quy định đầy đủ hơn nội dung quản lý đối với lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên cơ sở đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững của UNESCO**; quy định nội dung, thẩm quyền, trách nhiệm trong hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể và di sản tư liệu sau khi được ghi danh; di sản văn hóa phi vật thể và sinh kế của cộng đồng chủ thể, các nguyên tắc thực hành, bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, vai trò của cộng đồng chủ thể di sản, các báo cáo quốc gia... để phù hợp với Công ước 2003 về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể và Chương trình Ký ức thế giới mà Việt Nam tham gia, đồng thời thực hiện hiệu quả cam kết trong các khuôn khổ pháp lý quốc tế.

2.4. Đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong lĩnh vực Di sản văn hóa

Từ năm 2013, UNESCO đã chính thức thông qua Hiến chương về Di sản số, trong đó khuyến khích các quốc gia trên thế giới xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) về di sản văn hóa dưới dạng số nhằm mục tiêu tăng cường nhận thức, chia sẻ, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung. Việc xây dựng hệ thống CSDL đã được đa số các quốc gia hưởng ứng và triển khai có hiệu quả, việc liên kết cũng từng bước được đẩy mạnh trên toàn thế giới: Trung Quốc, Hàn Quốc, Indonesia, Canada, Philipine...

Trên nền tảng công nghệ số xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa số thống nhất, phục vụ công tác lưu trữ, quản lý, nghiên cứu, bảo tồn,

khai thác, quảng bá di sản, thúc đẩy phát triển du lịch bền vững; bảo đảm tích hợp được vào khung kiến trúc Chính phủ điện tử và Hệ tri thức Việt số hóa, bảo đảm đáp ứng hiệu quả dịch vụ cho xã hội, cộng đồng ở mọi lúc, mọi nơi.

Trong xã hội hiện đại, xu thế bảo tồn di sản theo hướng “bảo tồn tích cực”, nghĩa là đưa di sản vào phục vụ cuộc sống. Các di sản văn hoá phải được bảo vệ, phát huy và quảng bá giới thiệu cho công chúng. Hoạt động trưng bày, triển lãm ở bảo tàng, hiện đại hóa thông qua ứng dụng công nghệ số (không chỉ là phương thức online mà còn là các phương thức số hóa, điện tử hóa hoạt động) trong trưng bày và giới thiệu trưng bày nhằm thu hút khách tham quan cũng như gây ấn tượng với công chúng là một xu hướng tất yếu của các bảo tàng hiện đại.

Sự phát triển của cuộc Cách mạng khoa học công nghiệp 4.0 đã tác động mạnh mẽ đến xã hội đặt ra các nhiệm vụ liên quan đến quản lý, liên kết, chia sẻ thông tin số, Luật Di sản văn hóa hiện hành chưa cập nhật được những vấn đề về quản lý, hoạt động, bản quyền, quyền khai thác, sử dụng, lưu trữ,... cần phải có những quy định mới trong Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) tạo hành lang pháp lý điều chỉnh hoạt động bảo vệ, khai thác, sử dụng và phát huy giá trị của di sản văn hóa theo nền tảng công nghệ kỹ thuật số và hỗ trợ việc áp dụng thành tựu công nghệ kỹ thuật số, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ khoa học kỹ thuật tiên tiến khác nhằm quản lý, bảo tồn, lưu trữ, khai thác, sử dụng và phát huy giá trị của di sản văn hóa trong xã hội hiện đại.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT DI SẢN VĂN HÓA (SỬA ĐỔI)

1. Mục đích

- Thể chế hóa chủ trương, đường lối, chính sách mới của Đảng, Nhà nước được ban hành trong thời gian qua.

- Xây dựng Luật Di sản văn hóa ngày càng hoàn thiện, tạo lập hành lang pháp lý đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, đảm bảo tính phù hợp, không chồng chéo với hệ thống pháp luật khác có liên quan.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính gắn với kiểm tra, thanh tra, kiểm soát, giám sát việc thực thi pháp luật về di sản văn hóa để đảm bảo quản lý thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

- Xây dựng chính sách về xã hội hóa để tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia vào các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn di sản văn hóa và phát triển, giữa quốc gia và quốc tế, giữa các vấn đề liên quan tới quyền văn hóa, quyền chủ thể, quyền con người, vì mục tiêu phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, giảm thiểu mâu thuẫn, xung đột.

2. Quan điểm xây dựng Luật

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành; Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; bảo đảm tính đồng bộ, minh bạch, khả thi, phù hợp với các cam kết quốc tế và tình hình thực tế của Việt Nam.

- Kế thừa các quy định còn phù hợp của Luật Di sản văn hóa năm 2001, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009; sửa đổi, bổ sung các quy định còn hạn chế, bất cập của Luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Việc bổ sung, hoàn thiện các quy định về Luật Di sản văn hóa phải đầy đủ, rõ ràng, minh bạch, cụ thể, ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan thực hiện thẩm quyền của mình trong quản lý nhà nước, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Nghiên cứu, xây dựng một số nội dung mới chưa có trong quy định của Luật Di sản văn hóa, phù hợp với thực tiễn, bảo đảm sự thống nhất công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa tạo nên nguồn lực mới cho sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội của đất nước. Hoàn thiện cơ chế, chế tài để xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm chính sách, pháp luật về di sản văn hóa.

- Đảm bảo nguyên tắc nhà nước thống nhất quản lý hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa thuộc sở hữu nhà nước. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, phân cấp mạnh mẽ thẩm quyền quản lý của chính quyền địa phương gắn chặt với trách nhiệm hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, phát huy vai trò của các cơ quan đoàn thể và toàn dân trong thực hiện chính sách, pháp luật di sản văn hóa.

- Hoàn thiện các quy định của pháp luật về xây dựng được cơ chế, chính sách để thu hút được nguồn lực của xã hội vào các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA LUẬT DI SẢN VĂN HÓA (SỬA ĐỔI)

1. Phạm vi điều chỉnh

Luật Di sản văn hóa quy định về các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa (gồm di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể và di sản tư liệu); quy định quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; quản lý nhà nước về di sản văn hóa.

2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài.

- Cơ quan quản lý nhà nước về di sản văn hóa; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT DI SẢN VĂN HÓA (SỬA ĐỔI)

1.1. Chính sách 1: Hoàn thiện các quy định về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa

1.1. Mục tiêu chính sách

- Thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước đối với việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý nhà nước.

- Sửa đổi, hoàn thiện, bổ sung mới các quy định liên quan đến di sản văn hóa ở các lĩnh vực di tích, di sản văn hóa phi vật thể, bảo tàng, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, di sản tư liệu, để tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, người thực hành, cộng đồng chủ thể của di sản nhằm phát huy vai trò và thuận lợi trong thực tiễn thực tiễn triển khai các nhiệm vụ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn di sản văn hóa và phát triển, giữa quốc gia và quốc tế, giữa các vấn đề liên quan tới quyền văn hóa, quyền chủ thể, quyền con người, vì mục tiêu phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, giảm thiểu mâu thuẫn, xung đột.

1.2. Nội dung của chính sách:

- Về khái niệm và thuật ngữ liên quan: Sửa đổi, bổ sung một số định nghĩa, khái niệm ở các lĩnh vực di tích, phi vật thể, bảo tàng, thông tin tư liệu, bao gồm: *Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới; Sửa chữa nhỏ di tích; Di sản tư liệu; bổ sung chức năng "giáo dục" trong bảo tàng; Bổ sung khoản mới giải thích từ ngữ "Bảo tàng số";* định nghĩa *Di sản văn hóa phi vật thể*, vật thể, đề cập đến: khích lệ sự tôn trọng đối với sự đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người; sự tôn trọng lẫn nhau giữa các cộng đồng, các nhóm người và cá nhân; phát triển bền vững; nghệ nhân; cộng đồng; chủ thể di sản văn hóa phi vật thể; người thực hành, không gian thực hành di sản văn hóa phi vật thể. Bổ sung nội dung: phân loại di sản văn hóa phi vật thể, di sản văn hóa phi vật thể, phát triển bền vững, di sản văn hóa phi vật thể và giới, về mối quan hệ giữa di sản văn hóa phi vật thể và vật thể.

- Về di tích: Bổ sung định nghĩa về "*di sản đô thị*"; Bổ sung quy định về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức được giao quản lý, sử dụng di tích trực thuộc Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Bổ sung quy định về điều chỉnh quy định khu vực bảo vệ II; Bổ sung quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ điều chỉnh khoanh vùng bảo vệ di tích, hủy bỏ quyết định xếp hạng di tích; Bổ sung quy trình, thủ tục tiếp nhận, loại bỏ hiện vật vào di tích; Bổ sung quy định bảo quản, tu bổ, phục hồi đối tượng là di tích đã được kiểm kê; Bổ sung quy định về quy hoạch khảo cổ; Bổ sung quy định về thành phần hồ sơ; Bổ sung quy định về việc hỗ trợ cộng đồng địa phương tại địa bàn có di tích; Bổ sung quy định về việc Chính phủ ban hành Nghị định quy định về bảo vệ và quản lý Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới; Bổ sung việc quy định Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng và ban hành hệ thống quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, đối tượng kiểm kê di tích; trình tự, thủ tục thẩm định dự án cải tạo, xây dựng các công trình nằm ngoài các khu vực bảo vệ di tích.

- Về di sản văn hóa phi vật thể: Bổ sung các quy định tạo điều kiện để nghệ nhân, người thực hành có thể đóng góp hơn nữa vào hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể của cộng đồng thông qua các hoạt động như: tôn vinh, hỗ trợ kinh phí thực hành, mở lớp truyền dạy,... hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các nhóm, câu lạc bộ, cộng đồng thực hành di sản văn hóa phi vật thể. Tạo điều kiện để nghệ nhân, người thực hành có thể đóng góp hơn nữa vào hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể của cộng đồng thông qua các hoạt động như: tôn vinh, hỗ trợ kinh phí thực hành, mở lớp truyền dạy,... hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các nhóm, câu lạc bộ, cộng đồng thực hành di sản văn hóa phi vật thể; bổ sung quy định đưa ra khỏi Danh mục quốc gia di sản văn hóa phi vật thể.

+ Bổ sung các nguyên tắc, biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Làm rõ hơn các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể. Nguyên tắc chung về thực hành di sản văn hóa phi vật thể; truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể; kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể; tiếp cận di sản văn hóa phi vật thể; tư liệu hoá di sản văn hóa phi vật thể; quảng bá, phổ biến di sản văn hóa phi vật thể; phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể. Quy định về xây dựng Chương trình Hành động quốc gia, Kế hoạch, đề án, dự án sau khi đưa vào Danh mục quốc gia, các báo cáo quốc gia và quốc tế. Hỗ trợ giáo dục di sản văn hóa phi vật thể trong trường học. Quy định về việc thực hiện Công ước 2003 của UNESCO. Tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa (sửa đổi, bổ sung các quy định về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa...).

+ Định hướng rõ về nguyên tắc, chính sách, biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể nhằm bảo đảm phát huy giá trị di sản trong xã hội hiện đại.

+ Mở rộng chính sách, tăng hỗ trợ đối với nghệ nhân, người thực hành di sản văn hóa phi vật thể. Tăng hỗ trợ sinh hoạt phí, mở rộng đối tượng thụ hưởng. Tăng hỗ trợ kinh phí thực hành đối với nghệ nhân, cộng đồng. Gắn kết nghệ nhân với cộng đồng. Hỗ trợ nghệ nhân, người thực hành tham gia các hoạt động liên quan đến lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể trong nước và quốc tế. Tham gia truyền dạy trong cộng đồng/tại Bảo tàng địa phương/trường học các cấp tại địa phương. Quy định về quyền lợi và trách nhiệm của nghệ nhân, người thực hành khi tham gia các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

- Đối với chính sách di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia:

+ Sửa đổi quy định giao cho cơ quan có thẩm quyền về văn hóa, thể thao và du lịch ở địa phương trách nhiệm tổ chức tiếp nhận, quản lý di vật, cổ vật thu được trong quá trình thăm dò, khai quật khảo cổ hoặc do tổ chức, cá nhân phát hiện, giao nộp và báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về bảo vật quốc gia: Bổ sung quy định về thẩm quyền cấp Bằng chứng nhận bảo vật quốc gia sau khi được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận (tương tự như quy định về việc cấp bằng xếp hạng di tích

quốc gia đặc biệt); Bổ sung quy định về thẩm quyền ra quyết định bãi bỏ quyết định công nhận bảo vật quốc gia (trường hợp đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận mà sau đó có đủ căn cứ là hiện vật, nhóm hiện vật đó không đủ tiêu chí hoặc bị hủy hoại, không còn khả năng bảo quản và phát huy giá trị của bảo vật quốc gia).

+ Bổ sung, làm rõ các quy định về quyền sở hữu, quyền thừa kế và các quy định mua, bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; Bổ sung quy định thẩm quyền cho phép và các điều kiện đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc bảo tàng, di tích đi trưng bày, bảo quản hoặc nghiên cứu trong nước; Bổ sung quy định về việc đưa di vật, cổ vật có nguồn gốc Việt Nam từ nước ngoài về nước; Chính sách khuyến khích việc cá nhân, tổ chức tham gia vào việc đưa di vật, cổ vật có giá trị của Việt Nam từ nước ngoài về nước; Chính sách khen, thưởng cá nhân, tổ chức tham gia vào việc đưa di vật, cổ vật có giá trị của Việt Nam từ nước ngoài về nước.

+ Bãi bỏ quy định cho phép mua bán, trao đổi, tặng cho và để thừa kế ở nước ngoài đối với di vật, cổ vật không thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (để tránh tình trạng “chảy máu” cổ vật và chống buôn bán trái phép di sản văn hóa theo Công ước 1970 của UNESCO); Sửa đổi quy định điều kiện “có bảo hiểm” (không bắt buộc bảo hiểm phải từ phía tiếp nhận chi trả) để phù hợp với một số trường hợp cấp thiết đối với việc bảo vệ và bảo quản di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia hoặc trường hợp đặc biệt trong hoạt động đối ngoại cấp nhà nước, bổ sung điều kiện có thỏa thuận bằng văn bản từ phía tiếp nhận.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về xử lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia tịch thu được do tìm kiếm, mua bán, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu trái phép.

- Về hoạt động bảo tàng:

+ Bổ sung chức năng giáo dục cho bảo tàng; Bổ sung nhiệm vụ giáo dục và ứng dụng công nghệ cho bảo tàng; Bổ sung quy định tiêu chuẩn của bảo tàng quốc gia; Bổ sung quy định cụ thể hơn về bảo tàng cấp tỉnh để phù hợp với các bảo tàng tương đương ở địa phương.

+ Về điều kiện để thành lập bảo tàng công lập và cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập: Sửa đổi, bổ sung theo hướng tách riêng điều kiện cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập thành quy định riêng để phù hợp đặc thù của loại bảo tàng này; Bổ sung quy định về điều kiện thành lập hoặc cấp phép hoạt động đối với bảo tàng số.

+ Về thẩm quyền quyết định thành lập bảo tàng công lập và cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập: Bổ sung quy định về trình tự, thủ tục và hồ sơ đề nghị thành lập bảo tàng đối với bảo tàng công lập và ngoài công lập; Sửa đổi, bổ sung về giao thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập cho cơ quan có thẩm quyền về văn hóa, thể thao và du lịch ở địa phương (nhằm tăng cường phân cấp quản lý nhà nước về di sản văn hóa và đơn giản hóa thủ tục hành chính); Bổ sung quy định về chuyển nhượng quyền sở hữu đối với bảo tàng ngoài công lập; Bổ sung quy định thu hồi giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập; Sửa đổi, bổ sung quy định Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đủ điều kiện thành lập đối với bảo tàng cấp

ting (để bảo đảm thực hiện đúng quy hoạch về hệ thống bảo tàng và tránh chồng chéo về thủ tục hành chính ở địa phương).

+ Bổ sung quy định thẩm định dự án về bảo tàng, Chính phủ quy định chi tiết về thẩm quyền, thủ tục, hồ sơ các dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình; dự án trưng bày nội thất, ngoài trời; dự án chỉnh lý tổng thể nội dung, hình thức trưng bày bảo tàng.

- Đối với chính sách về di sản tư liệu: Bổ sung thuật ngữ định nghĩa về di sản tư liệu và thêm 01 Chương mới gồm 9 Điều, tập trung các vấn đề: Bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu sau Chương 4 Luật Di sản văn hóa hiện hành; Nội dung tập trung về hoạt động quản lý di sản tư liệu, gồm: nhận diện, quản lý, ghi danh, bảo vệ và phát huy giá trị di sản; Chính phủ quy định chi tiết việc lựa chọn tài liệu có giá trị tiêu biểu để đăng ký vào chương trình, danh hiệu của khu vực và thế giới; việc thống kê, bảo quản, phát huy giá trị Di sản tư liệu của Việt Nam; giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về Di sản tư liệu; Di sản tư liệu phải được kiểm kê với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về di sản văn hóa ở trung ương và cấp tỉnh để lựa chọn, ghi danh vào các Danh mục Di sản tư liệu quốc gia, khu vực và thế giới; Quy định trình tự, thủ tục kiểm kê, số hóa, chuyển đổi số, bảo vệ, phát huy giá trị và đề nghị ghi danh Di sản tư liệu của Việt Nam; Quy định thẩm quyền phê duyệt các dự án, đề án về bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu; Quy định về việc làm bản sao di sản tư liệu; Quyền lợi, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sở hữu di sản tư liệu sau khi được ghi danh vào các Danh mục Di sản tư liệu của quốc gia, khu vực và thế giới.

1.3. Các giải pháp và lý do thực hiện

Giải pháp:

- Nghiên cứu, rà soát để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, bổ sung quy định mới hoặc hủy bỏ những quy định liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa ở các lĩnh vực di tích, di sản văn hóa phi vật thể, bảo tàng, di vật, cổ vật, bảo vật mà Luật Di sản văn hóa còn quy định chung chung, không phù hợp với thực tiễn hoặc không khả thi; bổ sung quy định mới về di sản tư liệu chưa có trong Luật để bảo đảm tính khả thi, phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu hướng phát triển của lĩnh vực di sản tư liệu khu vực và thế giới.

Lý do thực hiện:

- Đây là những chính sách cần được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện kịp thời để điều chỉnh các hoạt động của công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên các lĩnh vực: di tích, phi vật thể, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, bảo tàng và di sản tư liệu; tạo hành lang pháp lý thuận lợi, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về di sản văn hóa.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các danh sách của UNESCO và danh mục quốc gia; cụ thể hóa các biện pháp để thi hành nội dung quy định tại Luật Di sản văn hóa 2001, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa 2009 và Công ước 2003 của UNESCO về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể; khắc phục những tồn tại hạn chế trong thực tiễn quản lý nhà nước về di sản thời

gian qua; quy định cụ thể các vấn đề có tính đặc thù đối với hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia; bảo đảm không chồng chéo để nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước đối với hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia; bảo đảm hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia được quản lý, thực hiện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, thực hiện các cam kết và phù hợp với các văn kiện quốc tế mà Việt Nam tham gia, gắn với phát triển bền vững.

- Đối với chính sách về hoạt động bảo tàng: Những giải pháp trên có tính thực tiễn cao, cấp bách để quản lý các hoạt động bảo tàng trên cả nước hiện nay. Việc sửa đổi bổ sung và ban hành những quy định mới sẽ là cơ sở pháp lý để thống nhất, điều chỉnh các hoạt động bảo tàng trên toàn quốc, tạo điều kiện tốt hơn nữa cho việc triển khai các nhiệm vụ đổi mới, nâng cao chất lượng hiệu quả bảo tàng, đồng thời khắc phục được những hạn chế, bất cập trong suốt thời gian qua, thể hiện qua những điểm sau:

+ Việc xác định, phân loại bảo tàng công lập hiện nay gồm: Bảo tàng quốc gia, Bảo tàng chuyên ngành thuộc Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội ở Trung ương, Bảo tàng chuyên ngành thuộc các đơn vị trực thuộc Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội ở Trung ương và Bảo tàng cấp tỉnh. Đây mới chỉ là việc phân loại đơn thuần theo thứ bậc hành chính, chưa chỉ rõ được các tiêu chí cụ thể, ví dụ như Bảo tàng quốc gia thì căn cứ vào tiêu chí nào... Đối với các tỉnh, thành phố hiện nay đều có ít nhất 1 bảo tàng cấp tỉnh - chịu sự quản lý của các Sở, còn một số bảo tàng hiện nay hoạt động dưới sự quản lý của các huyện, thị xã hay tại các di tích chưa có quy định điều chỉnh đến. Vì vậy, vấn đề này cũng rất cần thiết phải rà soát, nghiên cứu để bổ sung các quy định cụ thể, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đang diễn ra.

+ Việc đầu tư xây dựng công trình nhà bảo tàng hiện nay ở một số địa phương chưa chú trọng đến đặc thù hoạt động chuyên bảo tàng, chưa phân bổ mức đầu tư hợp lý giữa việc xây dựng công trình và mức đầu tư cho thiết kế thi công trưng bày, dẫn đến nhiều nơi xây dựng xong bảo tàng thì không có kinh phí để thực hiện trưng bày, hoặc công trình khi thiết kế công năng không phù hợp với bảo tàng, khi sử dụng phải cải tạo lại, gây lãng phí tiền bạc của nhà nước. Việc đầu tư xây dựng bảo tàng hoàn toàn chưa có quy định xin ý kiến hoặc thẩm định của ngành văn hóa. Do đó, cách thực hiện tự phát, mỗi nơi một kiểu, không thống nhất. Chính vì vậy, rất cần thiết phải có những quy định cụ thể, đặc thù đối với các dự án đầu tư xây dựng hoặc cải tạo, nâng cấp bảo tàng, dự án trưng bày nội ngoại thất bảo tàng bắt buộc phải có ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Một số quy định hiện nay về các hoạt động bảo tàng chưa đầy đủ, cần phải bổ sung, như việc hoạt động chuyên môn hàng năm và các dự án đề án sưu tầm, bảo quản hiện vật, truyền thông, trưng bày chuyên đề, nâng cấp chỉnh lý trưng bày, các đề án, dự án... cần có báo cáo và xin ý kiến Bộ Văn hóa, Thể thao

và Du lịch trước khi triển khai, bảo đảm sự thống nhất trong quản lý nhà nước về lĩnh vực bảo tàng.

+ Một số quy định về hoạt động bảo tàng ngoài công lập cũng cần điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tư nhân tham gia vào các hoạt động bảo tàng.

- Đối với di sản tư liệu: Đây là chính sách mới, lần đầu tiên được đưa vào trong Luật Di sản văn hóa, thể hiện được sự thống nhất trong quản lý di sản văn hóa:

+ Việc quy hoạch tổng thể ngắn hạn, dài hạn, các quan điểm và mục tiêu chiến lược cho việc bảo vệ và phát huy giá trị Di sản tư liệu còn chưa được đề ra, chưa định hướng được con đường cụ thể và các tiêu chí xác nhận giá trị chặt chẽ cho Di sản tư liệu Việt Nam, đặc biệt là các Di sản tư liệu khu vực và thế giới. Lĩnh vực quản lý nhà nước về Di sản tư liệu ở Việt Nam hiện đang trong quá trình hoàn thiện nhằm giải quyết sự chòng chéo hoạt động, xây dựng quy trình phối hợp chặt chẽ để phân định trách nhiệm giữa các cơ quan như: Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Ủy ban UNESCO Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Di sản văn hóa), Bộ Nội vụ (Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước)... Vì vậy, việc xây dựng chính sách, bảo đảm nhà nước quản lý thống nhất về hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu của Việt Nam.

+ Di sản tư liệu là sản phẩm mang thông tin được hình thành từ những ký hiệu, mật mã, âm thanh hoặc hình ảnh dưới nhiều dạng thức độc đáo, phản ánh thành tựu tiêu biểu về lịch sử, tư tưởng văn hóa và khoa học. Việc mất mát, thất lạc tài liệu có giá trị do nhiều nguyên nhân từ lịch sử để lại như chiến tranh, thiên tai, điều kiện tự nhiên (thời tiết, côn trùng, nấm mốc)... và do cả hạn chế về nhận thức của con người gây nên (sự thay thế của triều đại này bằng triều đại khác cũng có thể là nguyên nhân làm cho một số tài liệu có giá trị bị tiêu hủy...). Vì vậy, di sản tư liệu cần được kiểm kê, xử lý khoa học, số hóa, chuyển đổi số, bảo vệ và phát huy giá trị di sản trên thực tiễn và thống nhất hoạt động quản lý.

+ Các cơ quan có chức năng bảo tồn di sản văn hóa nói chung, trong đó có những nơi lưu giữ Di sản tư liệu nói riêng được thành lập, cải tạo, mở rộng thành một hệ thống cơ quan chuyên môn khá đa dạng về loại hình hoạt động, bao gồm: hệ thống lưu trữ trong các cơ quan, đơn vị; các lưu trữ tư nhân, cá nhân; hệ thống bảo tàng (còn có cả các loại hình bảo tàng ngoài công lập); hệ thống thư viện... Sự đa dạng này là nguyên nhân khiến cho việc thống kê, nhận diện, phân loại Di sản tư liệu trong nước không hề dễ dàng. Vì vậy, cần nghiên cứu và xây dựng mới các chính sách, quy định, quy trình, thủ tục về hoạt động kiểm kê, nhận diện, quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu.

+ Xác định nguồn kinh phí dành cho công tác đào tạo cán bộ chuyên môn, quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị Di sản tư liệu, đặc biệt là Di sản tư liệu khu vực và thế giới phù hợp với tiềm năng và nhu cầu thực tế để từng bước bắt nhịp với di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể.

2. Chính sách 2: Hoàn thiện các quy định về thực hiện phân cấp quản lý nhà nước về di sản văn hóa phù hợp với thực tiễn

2.1. Mục tiêu chính sách

- Chính sách phân cấp quản lý nhà nước về lĩnh vực di sản văn hóa quy định rõ ràng về quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân giúp việc nhận thức và thực thi đúng đắn trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, các cơ quan quản lý có căn cứ để thực hiện thanh tra, xử lý các vi phạm; mặt khác, đã đặt di sản trong sự bảo hộ của pháp luật, giúp cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc ngày càng hiệu quả hơn; đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước.

- Phân cấp trong các nội dung quản lý nhà nước về di sản văn hóa; xây dựng, phê duyệt, triển khai Đề án, Dự án, Kế hoạch bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO, Danh mục quốc gia.

- Đảm bảo sự quản lý, giám sát, triển khai thực hiện hiệu quả các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể thông qua các hoạt động: ban hành, phê duyệt và triển khai Kế hoạch, đề án, dự án, các báo cáo quốc gia ở địa phương.

2.2. Nội dung của chính sách

- Cụ thể hóa hơn nữa nội dung phân cấp và quy định kiểm tra, thanh tra, kiểm soát việc thực thi trong Luật và Nghị định hướng dẫn.

- Phân rõ trách nhiệm quản lý nhà nước về di sản văn hóa tại Chương VII Quản lý nhà nước về di sản văn hóa: Chính phủ; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

- Quy định cụ thể, rõ hơn về nội dung trách nhiệm quản lý nhà nước, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền Ủy ban nhân dân các cấp tỉnh/thành phố, huyện xã về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong phạm vi địa phương; trách nhiệm ban hành quy định bảo vệ và phát huy giá trị di tích cũng như quy định phân cấp quản lý di sản theo loại hình, đảm bảo nguyên tắc nhất quán, dân chủ, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người dân được tiếp cận di sản văn hóa, được hưởng thụ các giá trị và tham gia hoạt động bảo tồn, phát huy, gìn giữ giá trị di sản văn hóa.

- Cụ thể hóa hơn nữa nội dung quy định về công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm soát việc thực thi các quy định của Luật Di sản văn hóa và văn bản hướng dẫn thi hành.

- Bổ sung những quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của các ban quản lý di tích, tổ chức được giao quản lý, sử dụng di tích. Quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức được giao quản lý, bảo vệ di sản văn hóa.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) chỉ đạo việc tổ chức kiểm kê, lập hồ sơ khoa học, quyết định ghi danh di sản tư liệu ở địa phương để bảo vệ và phát huy giá trị.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Kế hoạch bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể; phê duyệt, cấp kinh phí thực hiện, tổ chức thực hiện, quản lý các đề án, dự án; xây dựng các báo cáo bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể ở địa bàn tỉnh.

- Bổ sung quy định về phân cấp cho cơ quan quản lý văn hóa ở địa phương cấp giấy phép hoạt động cho bảo tàng ngoài công lập.

2.3. Các giải pháp thực hiện và lý do lựa chọn

Giải pháp:

- Nghiên cứu đề sửa đổi, bổ sung tại Luật Di sản văn hóa những quy định liên quan đến trách nhiệm quản lý nhà nước trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ, ngành trực tiếp quản lý nhà nước đối với di sản, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (bao gồm cả trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, xã) trong việc bảo vệ và quản lý di sản văn hóa.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Kế hoạch, quy định bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể; thực hiện cam kết bảo vệ và phát huy bền vững giá trị sau khi di sản được kiểm kê, xếp hạng, ghi danh; bài trừ các hủ tục và chống các biểu hiện tiêu cực, thương mại hóa trong tổ chức và hoạt động lễ hội; phê duyệt, bố trí kinh phí thực hiện, tổ chức thực hiện, quản lý các đề án, dự án; xây dựng các báo cáo bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể ở địa bàn tỉnh/ thành phố.

Lý do lựa chọn:

- Đây là giải pháp có tính khả thi cao, phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và thông lệ quốc tế. Việc thực hiện hiệu quả chính sách này sẽ góp phần hạn chế tình trạng không rõ trách nhiệm quản lý, bảo vệ di sản văn hóa.

- Quy định này nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các danh sách của UNESCO và danh mục quốc gia; cụ thể hóa các biện pháp để thi hành nội dung quy định tại Luật Di sản văn hóa 2001, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa 2009 và Công ước 2003 của UNESCO về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể; là bước tiếp theo, quan trọng sau hoạt động ghi danh di sản di sản văn hóa phi vật thể vào các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia; khắc phục những tồn tại hạn chế trong thực tiễn quản lý nhà nước về di sản thời gian qua; quy định cụ thể các vấn đề có tính đặc thù đối với hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia; bảo đảm không chòng chéo để nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước đối với hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia; bảo đảm hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia được quản lý, thực hiện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, thực hiện các cam kết và phù hợp với các văn kiện quốc tế mà Việt Nam tham gia, gắn với phát triển bền vững.

3. Chính sách 3: Hoàn thiện các quy định về huy động nguồn lực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa

Quy định cụ thể hơn chính sách ưu đãi trong công tác bảo tồn, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, bao gồm các hình thức xã hội hóa, thu hút nguồn lực của tổ chức cá nhân trong các lĩnh vực: hoạt động tu bổ, phát huy giá trị của

di tích; chuyển đổi sở hữu đối với các di sản thuộc sở hữu tư nhân (mua, bán, trao tặng); chính sách bảo vệ và phát triển di sản văn hóa phi vật thể, tiếng nói, chữ viết của các dân tộc ở Việt Nam; bảo tồn, phát huy dân ca, dân vũ, dân nhạc truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số; chính sách, biện pháp nhằm duy trì và phát huy giá trị văn hóa của các lễ hội truyền thống; chính sách thu hút nguồn lực trong các hoạt động bảo tàng.

3.1. Mục tiêu của chính sách

- Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các tổ chức xã hội trong các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia rộng rãi vào hoạt động bảo tồn di sản văn hóa, thông qua những đóng góp cụ thể: bằng tiền, hiện vật, công sức,... nhằm huy động tối đa các nguồn lực để phục vụ cho công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên cả nước.

3.2. Nội dung của chính sách

- Bổ sung quy định cụ thể về cơ chế phát huy các nguồn lực của xã hội, thu hút sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; quy định cụ thể về sự tham gia của các tổ chức xã hội trong các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa...

- Định hướng rõ về nguyên tắc, chính sách, biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa nhằm bảo đảm phát huy giá trị di sản trong xã hội hiện đại; bổ sung các quy định nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc phát huy giá trị di sản trong từng lĩnh vực; bổ sung quy định về quản lý nhà nước về di sản tư liệu; quy định ngành văn hóa thống nhất quản lý một số danh hiệu được UNESCO ghi danh (di sản tư liệu thế giới và khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, di sản thiên nhiên thế giới...).

- Tổ chức, cá nhân được khuyến khích tham gia cùng cộng đồng trong các hoạt động: kiểm kê, tư liệu hoá, truyền dạy, trình diễn, giới thiệu, tổ chức hội thảo khoa học để xây dựng hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể. Bổ sung, làm rõ các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với di sản văn hóa.

- Quy định cụ thể về vai trò, trách nhiệm của các tổ chức xã hội trong các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Xác định rõ quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và chủ sở hữu đối với di sản văn hóa, những việc được làm, những hành vi bị nghiêm cấm.

- Hoàn thiện các quy định về thủ tục hành chính.

- Hoàn thiện các biện pháp đảm bảo xây dựng và Quy định rõ nội dung quản lý nhà nước.

- Quy định các nguyên tắc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; Quy định cụ thể về vai trò, sự tham gia của của cộng đồng chủ thể trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

- Bổ sung, tách và làm rõ hơn nội dung về kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể quy định việc kiểm kê là hoạt động quan trọng, ưu tiên và cần được tiến hành thường xuyên, liên tục.

- Sửa đổi, bổ sung điều khoản chung về các biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị tốt đẹp của các loại hình di sản văn hóa phi vật thể; các nguyên tắc; phân loại di sản văn hóa phi vật thể.

- Các hình thức tôn vinh cá nhân, tổ chức: tặng Giấy khen,... hỗ trợ thuế,... cho cá nhân, tổ chức có đóng góp cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Nghiên cứu, xây dựng những nội dung quy định về hoạt động của "Quỹ bảo tồn di sản văn hóa", trong đó quy định về hoạt động liên quan đến "Quỹ bảo tồn di sản văn hóa" do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập để huy động tối đa mọi nguồn lực xã hội cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc. Xây dựng các quy định liên quan đến công tác tiếp nhận tài trợ của tổ chức cá nhân trong và ngoài nước; các quy định về quản lý, sử dụng và phân bổ kinh phí cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Xây dựng các quy định cụ thể về thu hút các nguồn lực, các hình thức hợp tác để tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tham gia vào các hoạt động bảo tàng, như: trưng bày chuyên đề; tổ chức các chương trình giáo dục trải nghiệm, các sự kiện văn hóa; xây dựng chương trình truyền thông, quảng bá; sản phẩm lưu niệm và những hoạt động dịch vụ phục vụ khách tham quan tại bảo tàng...

3.3. Các giải pháp và lý do lựa chọn

Giải pháp:

- Sửa đổi, bổ sung làm rõ các quy định trong Luật Di sản văn hóa về nội dung hoạt động xã hội hóa trong bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa các chính sách ưu đãi trong hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa; bổ sung quy định mới về "Quỹ bảo tồn di sản văn hóa".

- Sửa đổi, bổ sung làm rõ vai trò, trách nhiệm của các tổ chức xã hội trong các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Bổ sung quy định về các nguyên tắc quản lý, bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể làm cơ sở cho hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; định hướng, điều chỉnh hoạt động quản lý, thực hành và bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng, xã hội trong bối cảnh bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể gắn với phát triển bền vững và hội nhập; vai trò, sự tham gia của của cộng đồng chủ thể trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

Lý do lựa chọn:

- Đây là giải pháp đảm bảo tính kịp thời, phù hợp với yêu cầu thực tiễn, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tăng cường hơn nữa sự đóng góp về nguồn lực cho hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Tập hợp được nguồn lực của tổ chức cá nhân trong và ngoài nước, giảm bớt gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

- Cơ quan chủ quản "Quỹ bảo tồn di sản văn hóa" có thể linh hoạt, chủ động hơn trong việc triển khai các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT DI SẢN VĂN HÓA (SỬA ĐỔI) SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Luật

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về di sản văn hóa trong phạm vi cả nước.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ quản lý nhà nước về di sản văn hóa.

- Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện và phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong quản lý nhà nước về di sản văn hóa.

- Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về di sản văn hóa trong phạm vi của địa phương mình.

2. Về nguồn nhân lực

Hiện nay, nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ trực tiếp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa thuộc các cơ quan quản lý, bảo tàng, viện nghiên cứu, ban quản lý di tích trong 63 tỉnh, thành phố từ trung ương đến địa phương là lực lượng nòng cốt triển khai thực hiện Luật Di sản văn hóa ở các địa phương, đơn vị. Đội ngũ này sẽ được bồi dưỡng, tập huấn, phổ biến, giáo dục pháp luật để đảm bảo tổ chức thực hiện Luật Di sản văn hóa theo đúng chuẩn tiếp cận pháp luật.

3. Các điều kiện đảm bảo thi hành Luật

3.1. Ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành

Sau khi Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) được ban hành, Chính phủ sẽ khẩn trương giao các Bộ chuẩn bị theo thẩm quyền để ban hành các văn bản quy định chi tiết và triển khai Luật đầy đủ, đúng tiến độ.

3.2. Tổ chức thực thi Luật sau khi ban hành

- Ban hành các văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện Luật.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức thực thi với các hình thức phong phú, phù hợp với từng đối tượng: cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân. Phân công, phối hợp để triển khai thực hiện Luật.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn, phổ biến pháp luật về di sản văn hóa theo nhiều hình thức.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật đối với các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Tiếp nhận, phản hồi, từ các đối tượng chịu sự tác động của Luật, kịp thời giải đáp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Luật.

3.3. Nguồn kinh phí để triển khai Luật

Dự kiến nguồn lực để thi hành Luật như sau:

- Từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

- Từ nguồn kinh phí của các tổ chức, cá nhân tham gia do chính sách về xã hội hóa.

- Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA

Thời gian dự kiến trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 7 năm 2024 và thông qua Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) tại Kỳ họp thứ 8 năm 2024.

Trên đây là Tờ trình Đề nghị xây dựng Luật Di sản văn hóa (sửa đổi), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi kèm theo Tờ trình này Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật, bao gồm:

- (1) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách;
- (2) Báo cáo tổng kết thi hành Luật Di sản văn hóa;
- (3) Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý dự thảo;
- (4) Đề cương dự thảo Luật Di sản văn hóa (sửa đổi);
- (5) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp;
- (6) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (*để báo cáo*);
- Thứ trưởng Hoàng Đạo Cương;
- Lưu: VT, DSVH, NKĐ (18).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hùng